

Số: *2692* /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày *30* tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối với đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 là người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương theo quy định tại điểm 4, 7 mục II; người điều trị do nhiễm Covid-19 (F0) quy định tại điểm 8 mục II; Hộ kinh doanh quy định tại điểm 10, mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ đối với thành phố Yên Bái, huyện Yên Bình, huyện Lục Yên, huyện Văn Yên đợt 21 năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021;

Căn cứ Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 15/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc thành lập Tổ thường trực rà soát, kiểm tra hồ sơ thẩm định đối tượng và kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Theo đề nghị của Tổ thường trực rà soát, kiểm tra tại Tờ trình số 2766/TTr-TTTRS ngày 22/11/2021, Tờ trình số 2775/TTr-TTTRS ngày 22/11/2021; Tờ trình số 2810/TTr-TTTRS ngày 24/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách đối tượng, kinh phí hỗ trợ đối với đối tượng đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 là người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương theo quy định tại điểm 4,7 mục II; người điều trị do nhiễm Covid-19 (F0) quy định tại điểm 8 mục II; Hộ kinh doanh quy định tại điểm 10, mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ đối với thành phố Yên Bái, huyện Yên Bình, huyện Lục Yên, huyện Văn Yên đợt 21 năm 2021, cụ thể như sau:

1. Đối tượng, mức hỗ trợ và kinh phí hỗ trợ

a) Hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương:

Người lao động làm việc tại doanh nghiệp bị tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch Covid-19 có thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương trong thời hạn của hợp đồng lao động, tính từ ngày 01/5/2021 đến hết ngày 31/12/2021 và đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tính đến thời điểm ngay trước khi tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 1 tháng (30 ngày) trở lên theo Quy định tại điểm 4 mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ.

+ Mức hỗ trợ: 3.710.000 đồng/người.

+ Số đối tượng được hỗ trợ: 06 người.

+ Kinh phí hỗ trợ: 22.260.000 đồng.

- Người lao động đang nuôi con đẻ chưa đủ 06 tuổi được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha theo quy định tại điểm 7 Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ.

+ Số đối tượng được hỗ trợ: 02 trẻ em.

+ Kinh phí hỗ trợ: 2.000.000 đồng.

b) Hỗ trợ người phải điều trị do nhiễm Covid-19 (F0):

Người phải điều trị nhiễm Covid-19 (F0) theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ ngày 27/4/2021 đến ngày 31/12/2021 theo quy định điểm 8 mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ:

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tiền ăn 80.000 đồng/người/ngày, thời gian hỗ trợ theo thời gian điều trị thực tế, tối đa 45 ngày.

- Tổng số đối tượng được hỗ trợ: 03 người.

- Kinh phí hỗ trợ: 3.410.000.000 đồng.

c) Hỗ trợ đối với Hộ kinh doanh:

Hỗ trợ đối với hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh, có đăng ký thuế và phải dừng hoạt động từ 15 ngày liên tục trở lên trong thời gian từ ngày 01/5/2021 đến ngày 31/12/2021 theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch Covid-19.

- Mức hỗ trợ: 3.000.000 đồng/hộ kinh doanh;
- Số lượng đối tượng hỗ trợ: 03 hộ kinh doanh;
- Kinh phí hỗ trợ: 9.000.000 đồng;
- Phương thức hỗ trợ: Chi trả một lần cho hộ kinh doanh.

d) Tổng kinh phí hỗ trợ: 36.670.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

2. Nguồn kinh phí:

- Sử dụng nguồn kinh phí của ngân sách cấp tỉnh năm 2021 đã được giao tại Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (20% kinh phí do địa phương đảm bảo) là 7.330.000 đồng.

- Tạm cấp trước từ ngân sách cấp tỉnh (80% kinh phí do ngân sách trung ương đảm bảo) là 29.340.000 đồng. Số kinh phí tạm cấp được thu hồi về cho ngân sách tỉnh khi được ngân sách trung ương cấp bổ sung.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính:

- Cấp kinh phí cho thành phố Yên Bái, huyện Yên Bình, huyện Lục Yên, huyện Văn Yên theo danh sách đối tượng và kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; thực hiện thu hồi kinh phí về ngân sách địa phương khi được ngân sách trung ương cấp bổ sung theo quy định.

- Trên cơ sở danh sách đối tượng và kinh phí đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, số thực chi trả cho các đối tượng, Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Yên Bái tổng hợp quyết toán kinh phí báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để báo cáo Bộ Tài chính xem xét, thẩm định làm căn cứ cấp bổ sung kinh phí hỗ trợ cho địa phương.

2. Kho bạc Nhà nước Yên Bái: Phối hợp với Sở Tài chính xác nhận số kinh phí ngân sách nhà nước thực chi cho các đối tượng để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả rà soát, kiểm tra danh sách các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại điểm 4,7 mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ.

- Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc chi trả chính sách hỗ trợ đối với đối tượng theo quy định.

- Chủ trì theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh; kịp thời báo cáo Tổ thường trực rà soát, kiểm tra để kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ.

- Thực hiện chế độ thống kê báo cáo theo quy định.

4. Sở Y tế, Cục Thuế tỉnh: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả rà soát, kiểm tra danh sách các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại điểm 8 mục II và điểm 10 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái, huyện Yên Bình, huyện Lục Yên, huyện Văn Yên:

- Căn cứ danh sách đối tượng, kinh phí hỗ trợ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, thực hiện chi trả ngay cho các đối tượng đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, đúng chế độ.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về việc rà soát, thống kê, thẩm định và chi trả kinh phí hỗ trợ đúng đối tượng. Trường hợp nếu phát hiện có sai sót, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Cục Thuế tỉnh) để điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

- Tiếp nhận, quản lý, sử dụng kinh phí được giao đúng mục đích, đúng chế độ; tổ chức chi trả cho các đối tượng trên địa bàn quản lý đảm bảo kịp thời, chính xác, công khai và đúng quy định.

- Chậm nhất 15 ngày, sau khi kết thúc đợt chi trả, Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái, huyện Yên Bình, huyện Lục Yên, huyện Văn Yên có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện chế độ thống kê báo cáo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Kho bạc Nhà nước Yên Bái; Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái, huyện Yên Bình, huyện Lục Yên, huyện Văn Yên; các ông (bà) có tên tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *the*

Nơi nhận: *the*

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TC, VX.

CHỦ TỊCH



the

Trần Huy Tuấn



TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ

NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG;

ĐỐI TƯỢNG PHẢI CÁCH LY Y TẾ (F0), HỘ KINH DOANH

THÀNH PHỐ YÊN BÁI, HUYỆN YÊN BÌNH, HUYỆN LỤC YÊN, HUYỆN VĂN YÊN

theo Quyết định số: 2692 /QĐ-UBND ngày 30 /11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Nội dung	Tổng số đối tượng (người)	Tổng kinh phí (đồng)	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương (Chi tiết tại Phụ lục 2)				Hỗ trợ đối tượng F0 phải điều trị, cách ly y tế (Chi tiết tại Phụ lục 3)		Hỗ trợ hộ kinh doanh (Chi tiết tại Phụ lục 4)	
				Số đối tượng (người)	Kinh phí (đồng)	Kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn HĐLĐ, nghỉ việc không hưởng lương	Kinh phí hỗ trợ người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi	Tổng số (người)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Tổng số (người)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)
1	2	3=5+9+11	4=6+10+12	5	6=7+8	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng:	<u>14</u>	<u>36.670.000</u>	<u>8</u>	<u>24.260.000</u>	<u>22.260.000</u>	<u>2.000.000</u>	<u>3</u>	<u>3.410.000</u>	<u>3</u>	<u>9.000.000</u>
1	Thành phố Yên Bái	8	24.260.000	8	24.260.000	22.260.000	2.000.000				
2	Huyện Lục Yên	1	1.200.000					1	1.200.000		
3	Huyện Yên Bình	2	2.210.000					2	2.210.000		
4	Huyện Văn Yên	3	9.000.000							3	9.000.000

**DANH SÁCH, KINH PHÍ HỖ TRỢ
NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOẢN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG
THÀNH PHỐ YÊN BÁI**

(Kèm theo Quyết định số: 2692 QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở: CHI NHÁNH YÊN BÁI - CÔNG TY TNHH TMDV CÁT TINH.
- Mã số cơ sở: 501129714-01
- Địa chỉ: Tầng 5, Trung tâm TM Vincom Plaza, phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.
- Mã cơ quan BHXH: 012
- Mã đơn vị: 188

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOẢN THỰC HIỆN HĐ LAO ĐỘNG NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG VÀ ĐANG NUÔI CON ĐẸ DƯỚI 06 TUỔI

TT	Họ và tên	Đang làm việc	Loại HĐ lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ, Nghỉ không lương (Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm)	Số tiền hỗ trợ người lao động tạm hoãn HĐLĐ, nghỉ không lương (đồng)	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ lao động đang nuôi con (đồng)	Tổng số tiền hỗ trợ (đồng)	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên, số TKNH)	Số CMT/ Căn cước công dân
								Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng (ở cột 2)	Số CMT/thẻ căn cước của vợ hoặc chồng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=8+13	15	16
Tổng cộng:							22.260.000					2.000.000	24.260.000		
1	Hoàng Thanh Tùng	Kỹ thuật	Có XD thời hạn	01/10/2020	1516006361	từ 01/6/2021 đến 31/8/2021	3.710.000	Hoàng Anh Quân	21/01/2019	Phạm Thị Quỳnh	060910538	1.000.000	4.710.000	Hoàng Thanh Tùng; TK 100301118252 Wooribank - CN Bắc Ninh	060933529
2	Nguyễn Thị Diệu Linh	Chăm sóc khách hàng	Có XD thời hạn	01/10/2020	1520000798	từ 01/6/2021 đến 31/8/2021	3.710.000					0	3.710.000	Nguyễn Thị Diệu Linh; TK 19033403857013 Techcombank - CN Yên Bái	060989777
3	Nguyễn Tiến Triệu	Kỹ thuật	Có XD thời hạn	01/10/2020	1520071474	từ 01/6/2021 đến 31/8/2021	3.710.000					0	3.710.000	Nguyễn Tiến Triệu; TK 1611333933333 MB bank - CN Yên Bái	061073341
4	Hoàng Thị Kim Oanh	Chăm sóc khách hàng	Có XD thời hạn	01/10/2020	1520496689	từ 01/6/2021 đến 31/8/2021	3.710.000					0	3.710.000	Hoàng Thị Kim Oanh 19033012623018 Techcombank - CN Yên Bái	061018196
5	Vũ Anh Tú	Kỹ thuật	Có XD thời hạn	01/10/2020	1520070203	từ 01/6/2021 đến 31/8/2021	3.710.000					0	3.710.000	Vũ Anh Tú; TK 19037726851011 Techcombank - CN Yên Bái	061011206
6	Phạm Thị Hoài	Chăm sóc khách hàng	Có XD thời hạn	01/10/2020	1520009299	từ 01/6/2021 đến 31/8/2021	3.710.000	Ngô Hà My	03/02/2020	Ngô Công Dương	061080787	1.000.000	4.710.000	Phạm Thị Hoài; TK 19036630314017 Techcombank - CN Yên Bái	061073213

**DANH SÁCH, KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐỐI TƯỢNG F0 PHẢI ĐIỀU TRỊ, CÁCH LY Y TẾ
HUYỆN YÊN BÌNH, HUYỆN LỤC YÊN**


(Kèm theo Quyết định số: 2692/QĐ-UBND ngày 30 /11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị cách ly	Số tiền hỗ trợ (đồng)
		Nam	Nữ					
	TỔNG CỘNG							3.410.000
I	Huyện Lục Yên							1.200.000
1	Đông Thành Trung	17/10/1998		Tổ 6 - TT Yên Thế - Huyện Lục Yên	03/06/2021	17/6/2021	15	1.200.000
II	Huyện Yên Bình							2.210.000
2	Vũ Thị Phương		10/4/1993	Xã Vĩnh Kiên - Huyện Yên Bình	08/07/2021	23/07/2021	16	1.250.000
3	Hứa Thị Ngọc Lan		12/02/1988	Xã Phúc Ninh - Huyện Yên Bình	03/06/2021 06/07/2021	05/07/2021 30/07/2021	12	960.000

**DANH SÁCH, KINH PHÍ HỖ TRỢ HỘ KINH DOANH, CÓ ĐĂNG KÝ KINH DOANH,
CÓ ĐĂNG KÝ THUẾ VÀ PHẢI DỪNG HOẠT ĐỘNG TỪ 15 NGÀY LIÊN TỤC TRỞ LÊN ĐỐI VỚI HUYỆN VĂN YÊN**

(Kèm theo Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)



	Họ tên hộ kinh doanh	Mã số thuế	Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số CMND	Ngành nghề kinh doanh	Địa chỉ kinh doanh	Thời gian tạm ngừng kinh doanh	Số ngày nghỉ kinh doanh	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Hình thức thanh toán, nhận hỗ trợ		
										Qua Tài Khoản	Qua Bưu điện	Nhận trực tiếp
	Tổng cộng								9.000.000			
	Thị trấn Mậu A								9.000.000			
1	Nguyễn Trọng Tiến	8122893235	16D8004088	060903310	DV thể dục thể thao	Tổ 2	03/5-06/6/2021	34	3.000.000			x
2	Hà Xuân Lương	5200335429	16D8005173	060565760	DV thể dục thể thao	Tổ 3	03/5-06/6/2021	34	3.000.000	x		
3	Bùi Văn Đình	5200249314	16D800096	060163197	DV trò chơi điện tử	Tổ 5	03/5-06/6/2021	34	3.000.000	x		